Công**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/DS-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành*;*

Bà Huỳnh Thị Lài*;*

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 555/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty B

Địa chỉ: huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Phương L – Chức vụ: Giám đốc; *Có mặt*

- *Bị đơn:* Ông Lưu Thái P, sinh năm 1980; Địa chỉ: khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:**

Vào tháng 1/2023 ông Lưu Thái P nộp hồ sơ vào xin việc tại Công ty B (Gọi tắt là Công ty), được nhận vào làm nhân viên kinh doanh và phân làm việc tai thị trường Sóc Trăng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, ông Lưu Thái P còn nợ lại Công ty số tiền 144.716.800 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng),* bao gồm số tiền nhận từ các đại lý bán hàng và số tiền ông

P mượn của Công ty. Công ty nhắc nhở nộp tiền về Công ty nhưng ông P lại hứa hẹn nhiều lần không thực hiện. Nguyên đơn yêu cầu buộc ông P phải trả cho Công ty số tiền 144.716.800 đồng *(Một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng)* và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/09/2023 đến 15/04/2024 là 10.853.760 đồng *(Mười triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng)*. Tổng cộng 155.570.560 đồng *(Một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi đồng)*.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn trình bày rằng ông P được Công ty phân công bán hàng tại thị trường Sóc Trăng, cụ thể ông P sẽ bán hàng cho các đại lý và hỗ trợ đại lý bán hàng, sau đó thu tiền của các đại lý để nộp về Công ty. Sau khi ông P thu tiền của các đại lý nhưng không nộp về cho Công ty, trong quá trình làm việc ông P còn mượn tiền của Công ty 2.000.000 đồng. Ngày 04/10/2023 ông P ký cam kết trả nợ dần hàng tháng cho Công ty bắt đầu vào ngày 15 hàng tháng, từ tháng 11/2023, mỗi tháng trả tối thiểu 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu chậm trả phải chịu lãi suất 12%/năm. Tuy nhiên ông P không thực hiện đúng như cam kết, vào khoảng tháng 12/2023 ông P chỉ trả được cho Công ty 10.000.000 đồng, sau đó ngưng trả cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không có yêu cầu xử lý hình sự đối với ông P mà chỉ yêu cầu ông P trả lại tiền.

Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông P trả số tiền 134.716.800 đồng, *trong đó tiền bán hàng 132.716.800 đồng và tiền vay 2.000.000 đồng*. Yêu cầu ông P trả tiền lãi trên số tiền 134.716.800 đồng với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 134.716.800 đồng X 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) X 06 tháng 16 ngày = 7.305.243 đồng. Tổng cộng là 142.022.043 đồng, làm tròn 142.022.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Số tiền mà nguyên đơn yêu cầu là tiền bán hàng và tiền bị đơn mượn của nguyên đơn nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại phường Trà An quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ 2 nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào Giấy cam kết trả nợ ngày 04/10/2023, xác định: Ông P nợ Công ty số tiền 144.716.800 đồng, trong đó bao gồm tiền bán hàng và tiền mượn của Công ty 2.000.000 đồng. Ông P cam kết trả nợ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu tháng 11/2023, mỗi tháng tối thiểu 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp ông P không trả đúng như cam kết thì sẽ chịu trách nhiệm các khoản nợ chậm trả với mức lãi suất 12%/năm, có xác nhận của Công ty và ông P. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận ông P chỉ trả được cho Công ty 10.000.000 đồng vào tháng 12/2023. Như vậy ông P không thực hiện theo cam kết nêu trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Số tiền còn lại chưa trả là 144.716.800 đồng – 10.000.000 đồng = 134.716.800 đồng. Nguyên đơn buộc ông P phải trả số tiền còn thiếu 134.716.800 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi: Ông P đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ ngày 04/10/2023 nêu trên nên phải chịu lãi suất trên khoản nợ chậm trả là phù hợp. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng từ ngày 15/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 7.305.243 đồng, căn cứ theo quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở nên chấp nhận. Tổng số tiền buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 134.716.800 đồng + 7.305.243 đồng = 142.022.043 đồng, làm tròn 142.022.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí khi yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 7.101.100 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 280; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B đối với bị đơn ông Lưu Thái P.

Ông Lưu Thái P có trách nhiệm trả cho Công ty B tổng tiền gốc và lãi tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 31/7/2024 là **142.022.000 đồng** *(Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc 134.716.800 đồng, tiền lãi 7.305.243 đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.889.264 đồng *(Ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng)* theo biên lai thu số 0002697 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ông Lưu Thái P phải chịu án phí là 7.101.100 đồng *(Bảy triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm đồng)*, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Thành **Huỳnh Thị Lài** **Lê Thị Thùy Hương**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THA Q. Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Hương